|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0702.N.NCC**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Người có công |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu  Tỉnh/ thành phố | Mã số | Số hộ được hỗ trợ cải thiện nhà ở  *(hộ)* | | | | *Tổng số kinh phí hỗ trợ người có công cải thiện nhà*  *(Triệu đồng)* |
| Tổng số | *Chia theo hình thức hỗ trợ* | | |
| Xây mới | Sửa chữa | Cấp đất |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| ***Tổng số*** | 01 |  |  |  |  |  |

**Biểu số 0702.N.NCC. Hỗ trợ người có công**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số hộ người có công được hỗ trợ cải thiện nhà ở là số những hộ gia đình người có công được cấp, xây nhà tình nghĩa, được hỗ trợ kinh phí từ quỹ đền ơn đáp nghĩa để xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở hoặc được hỗ trợ cấp đất để xây nhà.

Toàn bộ các nguồn tài chính chi cho sự nghiệp chăm lo cải thiện nhà ở cho người có công với cách mạng bao gồm: nguồn ngân sách (Trung ương và địa phương); nguồn đóng góp tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số số hộ gia đình chính sách người có công được hỗ trợ cải thiện nhà ở; chỉ tổng hợp báo cáo các hỗ trợ cụ thể đã hoàn thành và bàn giao cho đối tượng sử dụng theo tỉnh/thành phố trong năm.

Cột 2: Ghi tổng số hộ gia đình chính sách người có công được xây mới nhà ở theo tỉnh/thành phố trong năm.

Cột 3: Ghi tổng số hộ gia đình chính sách người có công được sửa chữa nhà ở theo tỉnh/thành phố trong năm.

Cột 4: Ghi tổng số hộ gia đình chính sách người có công được cấp đất làm nhà ở theo tỉnh/thành phố trong năm.

Cột 5: Ghi tổng số kinh phí hỗ trợ cải thiện nhà ở của người có công để xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở theo tỉnh/thành phố đến 31/12.

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.